

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17/4/2019

*V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Tô Thị Bích Hồng;

2. Ông Trần Hữu Trung.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Tô Thị Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Văn Táp - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 29/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1983, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1980, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

3. *Người làm chứng:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị Tho trình bày có nội dung:*

*Về tình trạng hôn nhân:* Tôi (Hoàng Thị T) và anh Lê Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Phong, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, ngày 28/6/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình nhà chồng tại thôn Đ, xã H, thị xã Đ, cuộc sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách trái ngược nhau, dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Sau khi

mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị đã tìm mọi biện pháp, nhằm khắc phục, nhưng đều không có kết quả và sống ly thân từ năm 2007 đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, nếu hôn nhân tiếp tục duy trì, không đem lại hạnh phúc cho nhau. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Lê Văn Đ.

*Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có hai con chung là Lê Quang Đ, sinh ngày 15/4/2001 và Lê Đức A, sinh ngày 04/10/2005. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi các con chung. Vì tôi cũng có công việc, có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng các con chung.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn Đ không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án, mặc dù đều nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ của Tòa án.

Người làm chứng, ông Lê Văn T, sinh năm 1954, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, trình bày: Tôi là bố đẻ và ở cùng địa chỉ với anh Lê Văn Đ, anh Đ và chị T kết hôn từ năm 2000, sau khi kết hôn về chung sống cùng với gia đình tôi đến năm 2006 thì vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Năm 2007 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng anh Đ chị T sống ly thân đến nay. Anh Đ, chị Tho có hai con chung Lê Quang Đ, sinh ngày 15/4/2001 và Lê Đức A, sinh ngày 04/10/2005, hiện các cháu vẫn ở cùng chúng tôi, còn anh Đ đi làm xa ít khi về nhà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị T giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Lê Văn Đ và được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Đức A, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Đối với Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng, cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao con chung Lê Đức A cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều nhận định:

[2]. *Về trình tự thủ tục tố tụng*: Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều thụ lý và giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình số: 29/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/01/2019, giữa nguyên đơn chị Hoàng Thị T với bị đơn anh Lê Văn Đ là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Cho nên, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Hoàng Thị T và anh Lê Văn Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã kéo dài, cụ thể sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2007 đến nay. Người làm chứng ông Lê Văn T là bố đẻ của anh Đ cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh Đ bắt đầu từ năm 2006 và đến năm 2007 thì chị T về nhà bố mẹ đẻ ở và sống mỗi người một nơi cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đặng đều vắng mặt tại các phiên hòa giải do Tòa án tiến hành, cho nên xác định anh Đặng cũng không có nguyện vọng tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Đ đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, nếu tiếp tục duy trì, sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Cho nên, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. *Về nuôi dưỡng con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có hai con chung Lê Quang Đ, sinh ngày 15/4/2001 đến ngày xét xử cháu Đ đã thành niên, nên không đề cập giải quyết. Đối với con chung Lê Đức A, sinh ngày 04/10/2005 chưa thành niên, cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa án ghi nguyện vọng của cháu Lê Đức A, thì cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên, nên giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Đức A, anh Đ anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. *Về án phí*:

Chị Hoàng Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*1. Về hôn nhân:*

Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Lê Văn Đ.

*2. Về nuôi dưỡng con chung:*

2.1. Giao cho chị Hoàng Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Đức A, sinh ngày 04/10/2005 cho đến khi thành niên (Đủ 18 tuổi).

2.2. Anh Lê Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Chị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

*3. Về án phí*: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003751 ngày 18/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều.

*4. Về quyền kháng cáo*: Chị Hoàng Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Lê Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Đông Triều;
- Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
- UBND xã Hồng Phong (Nơi đăng ký kết hôn);
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Nam

